TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06-3-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chính

Ông Đặng Minh V

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXX-ST ngày 14 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Quốc V; Sinh năm 1987 (có mặt)

Căn cước công dân số 096087010356, cấp ngày 16/8/2021

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã BB, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Đ; Sinh năm 1987 (có mặt)

Căn cước công dân số 096087010356, cấp ngày 01/9/2021

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã BB, tỉnh Cà Mau.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.Ông Lê Văn T

2.Bà Trần Thị B

3.Ông Lê Văn U

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp L, xã BB, tỉnh Cà Mau.

4.Ông Đoàn Văn D

5.Bà Lê Hồng N

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã TP, tỉnh Cà Mau

6.Bà Lê Hồng P

Địa chỉ cư trú: Ấp Nguyễn T, xã BB, tỉnh Cà Mau.

7.Ông Huỳnh Hồng X

Địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã TP, tỉnh Cà Mau

8.Bà Nguyễn Bích C

Địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã TP, tỉnh Cà Mau

9.Bà Lê Thị Bích TT

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã BB, tỉnh Cà Mau.

10.Ngân hàng A

Địa chỉ: Ấp TB, xã TB, tỉnh Cà Mau.

11.Ông Lê Văn K

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã BB, tỉnh Cà Mau.

12.Ông Trần Hoàng T

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 16/5/2025, các Bên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa ông Lê Quốc V trình bày:*

Ông V và bà Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay là xã BB, tỉnh Cà Mau vào ngày 25/7/2008. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong lối sống, thường xuyên cự cải nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông bà không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2024 đến nay. Vì vậy, ông V yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị Đ.

Thời gian chung sống ông bà có con chung tên Lê Quốc Đ, sinh ngày 09/3/2009 và Lê Thị Như Q, sinh ngày 10/02/2012. Hiện nay cháu Đ do ông V nuôi dạy, cháu Q do bà Đ nuôi dạy. Khi ly hôn ông V yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung nhưng không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp con chung theo bà Đ thì bà Đ nuôi dạy ông V không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung gồm có phần đất diện tích 2,5 công, đất tọa lạc tại ấp L, xã BB, tỉnh Cà Mau hiện do ông Tính và bà B quản lý sử dụng nhưng ông V không

yêu cầu giải quyết tại vụ án. Nợ chung không có nên ông V không yêu cầu giải quyết.

**Tại Bên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bà Bùi Thị Đ trình bày:*

Bà Đ thống nhất với phần trình bày của ông V về các mối quan hệ như hôn nhân, con chung. Thời gian chung sống do ông V có tình cảm với người khác nên ông bà phát sinh mâu thuẫn từ tháng 6/2024 và đến tháng 12/2024 thì không còn chung sống với nhau. Do sống chung không hạnh phúc nên bà Đ thống nhất ly hôn theo yêu cầu ông V. Con chung là cháu Q bà Đ yêu cầu nuôi dạy và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Riêng cháu Đ đã trưởng thành theo ai người đó nuôi dạy bà Đ không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông V quản lý 23 chỉ vàng 24k, trong đó có 03 chỉ vàng 24k của bà B mượn của bà Đ trả; số tiền mặt 150.000.000 đồng và 2,5 công đất tọa lạc tại ấp L, xã BB, tỉnh Cà Mau do vợ chồng nhận chuyển nhượng từ ông Út nên bà Đ yêu cầu chia đôi.

Ngoài ra còn có tài sản gồm 06 cối trộn hồ, 06 mô tơ, 100 giàn giáo, 500 miếng ván, máy xe, máy cưa, máy cắt, máy bắn, máy cắt gạch, tivi, tủ lạnh. Bà Đ yêu cầu ông V hoàn lại 50.000.000 đồng bà sẽ giao toàn bộ tài sản này cho ông V tiếp tục quản lý sử dụng.

Còn lại chiếc xe hiệu ZX do bà Đ quản lý, chiếc xe Bển kiểm soát 69D1-08511 do ông V quản lý bà Đ không yêu cầu phân chia mà để tự thỏa thuận.

Về nợ: Do ông V đã tự thanh toán các khoản nợ khác nên bà Đ sẽ tự thanh toán cho bà Bích Chi và bà Bích TT không yêu cầu ông V cùng thanh toán khoản nợ này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Lê Quốc V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị Đ. Do ông bà chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Bà Đ có địa chỉ cư trú tại ấp L, xã BB (xã BBĐ cũ), tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng ông Tỉnh, bà B, ông Út, ông D, bà N, bà P, ông X,

bà C, bà TT, đại diện Ngân hàng, ông K, ông T không có văn bản ý kiến về yêu cầu của bà Đ, ông V và vắng mặt tại lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự vắng mặt nêu trên theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông V và bà Đ tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BBĐ nay là xã BB, tỉnh Cà Mau vào ngày 25/7/2008. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông bà thừa nhận không còn chung sống với nhau từ năm 2024 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả và tại phiên tòa bà Đ thống nhất ly hôn theo yêu cầu ông V. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho ông Lê Quốc V và bà Bùi Thị Đ được ly hôn.

[4] Thời gian chung sống ông bà có con chung tên Lê Quốc Đ, sinh ngày 09/3/2009 (giới tính nam) và Lê Thị Như Q, sinh ngày 10/02/2012 (giới tính nữ). Xét thấy bà Đ yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu Q là có cơ sở. Bởi vì ông V thừa nhận đi làm xa; hiện tại cháu Q do bà Đ trực tiếp nuôi dạy nên việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của con chung. Mặt khác cháu Q đã trên 07 tuổi nên yêu cầu ngày 30/6/2025 của cháu Q có nguyện vọng được sống chung với bà Đ là phù hợp. Đối với cháu Lê Quốc Đ, sinh ngày 09/3/2009 hiện ông V nuôi dạy nên bà Đ thống nhất giao ông V nuôi dạy là có cơ sở.

Đối với cháu Lê Quốc Đ, sinh ngày 09/3/2009 (giới tính nam) ông V không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Đ yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi cháu Q là có cơ sở. Bởi vì việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung chưa thành niên; cháu Q giao cho bà Đ trực tiếp nuôi dạy nên ông V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi bà Đ yêu cầu. Theo Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp

đồng lao động thì mức lương tối thiểu vùng được tính tại nơi ông V, bà Đ đang cư trú là 3.700.000 đồng/tháng. Vì vậy cần buộc ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Q với số tiền 1.850.000 đồng/tháng là phù hợp với khả năng thực tế của ông V cũng như đảm bảo nhu cầu thiết yếu để bà Đ nuôi cháu Q.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Xét thấy, tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông V xác định không có tài sản chung và nợ chung nhưng tại phiên ông V thừa nhận thời gian chung sống có nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 2,5 công, đất tọa lạc tại ấp L, xã BB, tỉnh Cà Mau nhưng không yêu cầu giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án bà Đ xác định có tài sản chung, nợ chung và có yêu cầu phân chia nhưng Tòa án có thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu của bà Đ; đồng thời có thông báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông T, bà B, ông U, ông D, bà N, bà P, ông X, bà Chi, bà TT, đại diện Ngân hàng, ông K, ông T nhưng bà Đ không nộp tạm ứng án phí, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có văn bản ý kiến yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét tài sản chung, nợ chung tại vụ án. Trường hợp sau này đương sự có yêu cầu thì có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định.

[7] Về án phí: Ông V phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 59, 81, 82, 83, 110, 116, 119 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Ông Lê Quốc V và bà Bùi Thị Đ được ly hôn.

2.Về con chung: Ông Lê Quốc V có nghĩa vụ tiếp tục giao con chung tên Lê Thị Như Q, sinh ngày 10/02/2012 (giới tính nữ) cho bà Bùi Thị Đ nuôi dạy; bà Bùi Thị Đ có nghĩa vụ tiếp tục giao con chung tên Lê Quốc Đ, sinh ngày 09/3/2009 (giới tính nam) cho ông Lê Quốc V nuôi dạy. Ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Như Q số tiền 1.850.000 đồng/tháng; Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/3/2026) đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Ông V không trực tiếp nuôi dạy cháu Q, bà Đ không trực tiếp nuôi dạy cháu Đ nhưng ông bà có quyền thăm nom con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai có quyền cản trở.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Bùi Thị Đ (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Lê Quốc V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3.Về án phí:

-Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Quốc V phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 26 tháng 5 năm 2025 ông V có D nộp 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo Bên lai số 0022404 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình nay được chuyển thu án phí.

-Án phí cấp dưỡng: Ông Lê Quốc V phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) (chưa nộp).

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5.Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chính – Đặng Minh V **Nguyễn Kiều Trang**